

Bản án số: 23/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 26/4/2023

"V/v: Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ L, TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Giang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Lập và bà Hồ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2023, tại Phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Hạ L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 419/2022/TLST - HNGĐ ngày 25/10/2022 về việc "*Tranh chấp về Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Thanh N**, sinh năm 1988. Nơi thường trú: Tổ 3, khu 6, phường Y, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tuấn A**, sinh năm 1987. Nơi thường trú: Tổ 1A, khu 8, phường C, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Về quan hệ hôn nhân:**

Theo đơn khởi kiện, trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh N trình bày: Chị và anh Nguyễn Tuấn A đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/12/2012, tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh. Việc kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép; trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống, suy nghĩ; anh Tuấn A thường xuyên vắng nhà,

không có trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái; anh Tuấn A còn có hành vi bạo hành với chị nhiều lần. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định không còn tình cảm với anh Tuấn A nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A.

*** Về con chung:** Chị N trình bày: Quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung là: Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/01/2013 và Nguyễn QA, sinh ngày 29/9/2015. Hiện nay hai con đang ở cùng chị. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

*** Về tài sản chung:** Chị N trình bày quá trình vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không vay nợ tổ chức, cá nhân nào và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung

Anh Nguyễn Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Qua xác minh tại tổ 1A, khu 8, phường C, thành phố Hạ L, đại diện tổ 1A cho biết: Chị Đỗ Thị Thanh N đăng ký nhân khẩu thường trú tại phường Y, thành phố Hạ L. Anh Nguyễn Tuấn A đăng ký nhân khẩu thường trú tại phường C, thành phố Hạ L. Hiện nay anh chị không còn sống chung tại tổ 1A, khu 8, phường C nữa. Ngôi nhà của anh Tuấn A hiện đang cho thuê, thỉnh thoảng anh Tuấn A vẫn về qua nhà để trông coi, dọn dẹp nhà cửa.

Tại Biên bản ghi nguyện vọng của cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/01/2013 và cháu Nguyễn QA, sinh ngày 29/9/2015 - là con chung của chị N và anh Tuấn A thể hiện: Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu L và cháu QA đều muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn Bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ L.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xem xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh N:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh N và anh Nguyễn Tuấn A đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012; đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung; không hòa hợp, hạnh phúc. Anh Tuấn A vắng nhà thường xuyên, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con và nhiều lần có hành vi bạo hành với chị N. Hiện nay anh chị không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh Tuấn A.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/01/2013 và Nguyễn QA, sinh ngày 29/9/2015. Xét thấy hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Chị N có chỗ ở, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (nghề kinh doanh Spa) để nuôi dưỡng hai con. Nguyên vọng của các con chung cũng muốn ở với chị N. Anh Tuấn A không đến Tòa án theo Giấy triệu tập của Tòa án và không có quan điểm về con chung. Vì vậy, cần giao hai con chung cho chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định trong việc sinh sống, học tập, sinh hoạt của các con chung.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N trình bày anh chị không có tài sản chung, không vay nợ của tổ chức, cá nhân nào; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những nhận định trên đây, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh Tuấn A được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thanh N. Chị Đỗ Thị Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao 02 (hai) người con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/01/2013 và Nguyễn QA, sinh ngày 29/9/2015 cho chị Đỗ Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Đỗ Thị Thanh N.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn: Chị Đỗ Thị Thanh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0001090 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh.

4. Chị Đỗ Thị Thanh N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tuấn A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hạ L;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục thi hành án DS TP Hạ L;
- Các đương sự;
- UBND phường Y, TP Hạ L;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Thanh